

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-PT

Ngày: 30-6-2023

V/v “Tranh chấp đòi lại quyền
sử dụng đất (cho mượn)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Định

Ông Nguyễn Vĩnh Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023, về V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất (cho mượn)”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trịnh Văn H**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 96, ấp Phương T 2, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Vạn L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần T. Địa chỉ: Số 58C, đường Hùng V, phường Thới B, quận Ninh K, thành phố Cần T; (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 95, ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Sơn Thị P- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Huỳnh Ánh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: số 437/62 Quốc Lộ I, k 5, p 2, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị S, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 95, ấp Phương T 2, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Trịnh Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trịnh Văn H trình bày:

Ông H có phần đất diện tích 2906m², thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Phương Thanh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 27 tháng 5 năm 1994 cho ông Trịnh Văn H. Phần đất của ông H cạp ranh thửa đất của ông Huỳnh Văn L.

Vào năm 1997Huỳnh Văn L hỏi mượn ông H một phần đất, có chiều ngang 1,5m và chiều dài 06m, diện tích 09m² để chất tràm, ông H đồng ý. Đến năm 2006Huỳnh Văn L cất thêm một mái nhà vệ sinh chiều ngang 01m, chiều dài 1,5m, diện tích 1,5m² cạp với phần đất mà ông L mượn của ông H trước đây. Ông H thấy đất ở gần dưới sông nên ông H tiếp tục cho ông L mượn để cất nhà vệ sinh. Đến tháng 01 năm 2019 ông L nói với ông H xác định ranh đất giữa hai bênHuỳnh Văn L đòi lấy luôn phần đất mà ông L mượn để chất củ tràm và phần đất đã xây nhà vệ sinh, rồi kéo thẳng ranh lên trên đất của ông H. Ông H không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Ông H yêu cầu ông L trả lại cho ông H toàn bộ phần đất đã mượn nhưng ông L không đồng ý. Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải trả lại cho ông H phần đất đã mượn là 23,3m² nằm trong tổng diện tích 2906m², thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 7 như đã nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Huỳnh Văn L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông Huỳnh Văn L và vợ là bà Đoàn Thị S nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Tư (đã chết) vào năm 1992, còn phần đất ông H đang sử dụng có nguồn gốc là của ông Hồng Minh Nhẫn, đã chết cách nay khoảng 4-5 năm, là cha vợ của ông H cho lại ông H sử dụng được khoảng 10 năm nay.

Lúc vợ chồng ông L nhận chuyển nhượng đất của bà T có lập giấy tay nhưng do chuyển nhà nên đã thất lạc, khi mua không ghi diện tích cụ thể, chiều ngang bà T chỉ bán từ mí ranh giáp ranh đất của ông Hồng Minh Nhẫn chạy dài qua giáp phần đất còn lại của bà T, nhưng không biết diện tích bao nhiêu, chiều

dài từ lộ tới mé sông, vài năm sau bà T chuyển nhượng phần đất còn lại cho ông Nguyễn Công D (Phần đất này giáp với phần đất bà T đã chuyển nhượng cho ông L), nhưng ông L không nhớ năm mấy, hiện nay mí ranh đất giữa ông L với ông D có cắm trụ đá làm ranh, còn phía mí ranh giáp với ông Nhẫn, ông Nhẫn có trồng hàng xương rồng, ông Nhẫn trồng làm ranh cách nay được khoảng 20 năm.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất tranh chấp hiện ông L đang sử dụng phần diện tích có nhà tắm, phần còn lại ông L không có sử dụng và phía ông H có sử dụng để cù tràm. Phần đất có tranh chấp vợ chồng ông L đã sử dụng liên tục từ năm 1992 cho đến nay, không hề xảy ra tranh chấp với ông Nhẫn, sau đó ông Nhẫn cho lại ông H sử dụng cũng không xảy ra tranh chấp. Năm 2015, vợ chồng ông L xây dựng nhà vệ sinh kiên cố trên đất tranh chấp, ông H cũng không ngăn cản, đến khi vợ chồng ông L cất nhà vào tháng 9 năm 2018 thì ông H cho rằng có cho vợ chồng ông L mượn phần đất diện tích 10,5m² nên ông H yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Ông H tự chặt bỏ hàng xương rồng mà ông Nhẫn đã trồng làm ranh trước đây, nhưng hiện nay vẫn còn gốc.

Vợ chồng ông L và bà Đoàn Thị S không mượn đất của ông H như ông H trình bày mà ông L, bà Si chỉ sử dụng đúng phần đất của ông L, bà Si đã nhận chuyển nhượng của bà T vào năm 1992.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn H về việc buộc bị đơn ông Huỳnh Văn L trả lại cho nguyên đơn ông Trịnh Văn H phần đất mượn với tổng diện tích 23,3m² tọa lạc ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp thửa đất số 44, có số đo 18,33m;
- Hướng tây giáp thửa đất số 43, có số đo 21,26m;
- Hướng nam giáp đường huyện 87B, có số đo 0,50m;
- Hướng bắc giáp phần bãi bồi của kênh xáng Phụng Hiệp, có số đo 1,69m.

(Kèm theo Sơ đồ hiện trạng, do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng cung cấp).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn H phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006232 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, ông H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Trịnh Văn H phải chịu là 5.548.000 đồng (bằng chữ: Năm triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 5.548.000 đồng (bằng chữ: Năm triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Vì vậy, ông H đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03-10-2022 nguyên đơn ông Trịnh Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử lại theo quy định của pháp luật với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có để xét xử mà cho rằng các giấy tờ đó cấp đại trà không đo đạc thực tế là không đúng và trái quy định của Luật đất đai năm 2013. Là vi phạm nghiêm trọng về nội dung và tố tụng cần phải hủy án để xét xử lại cho đúng quy định của pháp luật.

Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T với ông H thì ranh đất giữa thửa 43 và thửa 44 là một đường thẳng, không có lệch xéo, nhưng đo đạc thực tế ranh xéo so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Công D, ông Huỳnh Văn Hùng, đặc biệt là ông Nguyễn Công D khai rất rõ về ranh đất giữa thửa 43, 44 của bà T với ông H và diện tích đất ông Lâm mua của bà T, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều có đo đạc và Luật Đất đai tại thời điểm này không có quy định ký giáp ranh nhưng bản án sơ thẩm nhận định những người làm chứng trình bày “là không biết ranh đất” là không đúng sự thật khách quan, diễn biến của phiên tòa, vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung vụ án.

Ngày 15-5-2023 nguyên đơn ông Trịnh Văn H thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Trịnh Văn H, bị đơn ông Huỳnh Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị S thỏa thuận thống nhất nội dung như sau: Các bên thống nhất xác định ranh đất và tiến hành cắm cọc ranh xong vào ngày 20-6-2023 khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và có Công ty TNHH Đo đạc và Dịch vụ Đất M tiến hành đo đạc và xác định ranh đất theo các mốc tọa độ giữa hai thửa đất số 43 và 44, cùng tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng như sau: Cọc ranh số 01 có tọa độ X= 1068512.46, Y= 521903.52; Cọc ranh số 2 có tọa độ X= 1068520.46, Y= 521899.43; Cọc ranh số 3 X= 1068530.46, Y=

521894.28 (có sơ đồ kèm theo). Trên phần ranh đất đã xác định, đã cắm cọc ranh có cắt ngang một phần nhà vệ sinh của ông Huỳnh Văn Lắm và bà Đoàn Thị S có diện tích $0,3m^2$ tứ cận như sau:

Hướng đông giáp đất ông Trịnh Văn H có số đo 1,52m

Hướng tây giáp đất ông Huỳnh Văn L có số đo 1,52m

Hướng nam giáp đất ông Trịnh Văn H có số đo 0,22m

Hướng bắc đất ông Trịnh Văn H giáp có số đo 0,22m

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (có sơ đồ kèm theo)

Ông L, bà Si thông nhất ông và bà sẽ tự nguyện tiến hành tháo dỡ diện tích $0,3m^2$ nhà tắm nêu trên để trả lại đất cho ông Trịnh Văn H và không yêu cầu ông H bồi thường chi phí tháo dỡ di dời tài sản trên đất.

-Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng: 21.528.000đ (hai mươi một triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng). Ông Trịnh Văn H đề nghị mỗi bên chịu 50% = 10.764.000đ. Tuy nhiên, ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S không đồng ý theo đề nghị của ông H và đề nghị chia chi phí trên theo phần ông phải tháo dỡ trả là $0,3m^2$.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn tại tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận đối với phần xác định ranh đất và phần tài sản trên đất là nhà tắm ông L, bà Si có trách nhiệm tháo dỡ của các đương sự. tại phiên tòa phúc thẩm. Đối với phần chi phí thẩm định, định giá tài sản đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án đối với phần ranh đất và phần tháo dỡ tài sản trên đất, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đề nghị Hội đồng xét xử buộc mỗi bên chịu 50%. Đối với án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông Trịnh Văn H, ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S do ông HHuỳnh Văn L, bà Si là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị Viện kiểm sát và của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Trịnh Văn H, bị đơn ông Huỳnh Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị S đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Các bên thống nhất xác định ranh đất và đã tiến hành cắm cọc ranh xong vào ngày 20-6-2023 khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và có Công ty TNHH Đo đạc và Dịch vụ Đất Mới tiến hành đo đạc và xác định ranh đất theo các mốc tọa độ giữa hai thửa đất số 43 và 44, cùng tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng như sau: Cọc ranh số 01 có tọa độ X= 1068512.46, Y= 521903.52; Cọc ranh số 2 có tọa độ X= 1068520.46, Y= 521899.43; Cọc ranh số 3 X= 1068530.46, Y= 521894.28 (có sơ đồ kèm theo). Trên phần ranh đất đã xác định, đã cắm cọc ranh có cắt ngang một phần nhà vệ sinh của ông Huỳnh Văn Lắm và bà Đoàn Thị S có diện tích 0,3m² tứ cận như sau:

Hướng đông giáp đất ông Trịnh Văn H có số đo 1,52m

Hướng tây giáp đất ông Huỳnh Văn L có số đo 1,52m

Hướng nam giáp đất ông Trịnh Văn H có số đo 0,22m

Hướng bắc đất ông Trịnh Văn H giáp có số đo 0,22m

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (có sơ đồ kèm theo)

Ông L, bà S thống nhất ông và bà sẽ tự nguyện tiến hành tháo dỡ diện tích 0,3m² nhà tắm nêu trên để trả lại 0,3m² đất cho ông Trịnh Văn H không yêu cầu ông H bồi thường chi phí tháo dỡ di dời tài sản trên đất.

[2] Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

[3] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên và đề nghị của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng: 21.528.000đ các bên không thỏa thuận được nên Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án về phần đất tranh chấp và được Tòa án công nhận nên ông Trịnh Văn H chịu 50% = 10.764.000đ và ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S liên đới chịu 50% = 10.764.000đ. Do ông Trịnh Văn H đã tạm ứng trước số tiền đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tổng cộng là 21.528.000đ nên ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Trịnh Văn H số tiền 10.764.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Trịnh Văn H, ông Huỳnh Văn L, bà Đoàn Thị S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông Trịnh Văn H được miễn án phí nên ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006232 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông Trịnh Văn H là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trịnh Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005190 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Trịnh Văn H, bị đơn ông Huỳnh Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị S, nội dung cụ thể như sau:

- Ông Trịnh Văn H, ông Huỳnh Văn L và Đoàn Thị S thống nhất xác định ranh đất và đã tiến hành cắm cọc ranh xong vào ngày 20-6-2023 khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và có Công ty TNHH Đo đạc và Dịch vụ Đất Mới tiến hành đo đạc và xác định ranh đất theo các mốc tọa độ giữa hai thửa đất số 43 và 44, cùng tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng như sau: Cọc ranh số 01 có tọa độ X= 1068512.46,

Y= 521903.52; Cọc ranh số 2 có tọa độ X= 1068520.46, Y= 521899.43; Cọc ranh số 3 X= 1068530.46, Y= 521894.28 (có sơ đồ kèm theo). Trên phần ranh đất đã xác định, đã cắm cọc ranh trên có cắt ngang một phần nhà vệ sinh của ông Huỳnh Văn Lắm và bà Đoàn Thị S có diện tích 0,3m² tứ cận như sau:

Hướng đông giáp đất ông Trịnh Văn H có số đo 1,52m

Hướng tây giáp đất ông Huỳnh Văn L có số đo 1,52m

Hướng nam giáp đất ông Trịnh Văn H có số đo 0,22m

Hướng bắc đất ông Trịnh Văn H giáp có số đo 0,22m

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (có sơ đồ kèm theo)

Ông Huỳnh Văn L, bà Đoàn Thị S thống nhất sẽ tiến hành tháo dỡ diện tích 0,3m² nhà tắm có tứ cận nêu trên để trả lại 0,3m² đất cho ông Trịnh Văn H và thống nhất không yêu cầu ông Trịnh Văn H bồi thường chi phí tháo dỡ di dời tài sản trên đất. Nên buộc ông Huỳnh Văn L, bà Đoàn Thị S tháo dỡ phần nhà tắm có diện tích 0,3m² có tứ cận nêu trên để trả lại 0,3m² đất cho ông Trịnh Văn H.

[2] Ông Trịnh Văn H, ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S liên hệ Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng để được điều chỉnh biến động hoặc lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án khi án có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng: 21.528.000đ (hai mươi một triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng). Ông Trịnh Văn H phải chịu 10.764.000đ (mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng). Ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S liên đới chịu 10.764.000đ (mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng). Do ông Trịnh Văn H đã tạm ứng trước số tiền thẩm định, định giá là 21.528.000đ (hai mươi một triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng) nên ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Trịnh Văn H số tiền 10.764.000đ (mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006232 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005190 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ

Nguyễn Quốc Định Nguyễn Vĩnh Khương

Tăng Thị Thúy Nga

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THA.DS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án – VP.

Tăng Thị Thúy Nga

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Định

Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLPT- DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về: “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trịnh Văn H**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 95, ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 95, ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Đoàn Thị S**, sinh 1957y

Địa chỉ: Số 95, ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, biểu quyết thì Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Tuyên xử:

[1] Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Trịnh Văn H, bị đơn ông Huỳnh Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị S, nội dung cụ thể như sau:

- Ông Trịnh Văn H, ông Huỳnh Văn L và Đoàn Thị S thống nhất xác định ranh đất và đã tiến hành cắm cọc ranh xong vào ngày 20-6-2023 khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và có Công ty TNHH Đo đạc và Dịch vụ Đất Mới tiến hành đo đạc và xác định ranh đất theo các mốc tọa độ giữa hai thửa đất số 43 và 44, cùng tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp Phương Thạnh 2, xã Hưng Phú,

huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng như sau: Cọc ranh số 01 có tọa độ X= 1068512.46, Y= 521903.52; Cọc ranh số 2 có tọa độ X= 1068520.46, Y= 521899.43; Cọc ranh số 3 X= 1068530.46, Y= 521894.28 (có sơ đồ kèm theo). Trên phần ranh đất đã xác định, đã cắm cọc ranh trên có cắt ngang một phần nhà vệ sinh của ông Huỳnh Văn Lắm và bà Đoàn Thị S có diện tích 0,3m² tứ cận như sau:

Hướng đông giáp đất ông Trịnh Văn H có số đo 1,52m

Hướng tây giáp đất ông Huỳnh Văn L có số đo 1,52m

Hướng nam giáp đất ông Trịnh Văn H có số đo 0,22m

Hướng bắc đất ông Trịnh Văn H giáp có số đo 0,22m

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (có sơ đồ kèm theo)

Ông Huỳnh Văn L, bà Đoàn Thị S thống nhất sẽ tiến hành tháo dỡ diện tích 0,3m² nhà tắm có tứ cận nêu trên để trả lại 0,3m² đất cho ông Trịnh Văn H và thống nhất không yêu cầu ông Trịnh Văn H bồi thường chi phí tháo dỡ di dời tài sản trên đất. Nên buộc ông Huỳnh Văn L, bà Đoàn Thị S tháo dỡ phần nhà tắm có diện tích 0,3m² có tứ cận nêu trên để trả lại 0,3m² đất cho ông Trịnh Văn H.

[2] Ông Trịnh Văn H, ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S liên hệ Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng để được điều chỉnh biến động hoặc lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án khi án có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng: 21.528.000đ (hai mươi một triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng). Ông Trịnh Văn H phải chịu 10.764.000đ (mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng). Ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S liên đới chịu 10.764.000đ (mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng). Do ông Trịnh Văn H đã tạm ứng trước số tiền thẩm định, định giá là 21.528.000đ (hai mươi một triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng) nên ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Trịnh Văn H số tiền 10.764.000đ (mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006232 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005190 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc lúc 09 giờ 20 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

Nguyễn Vĩnh Khương

Tăng Thị Thúy Nga

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THA.DS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Thị Thúy Nga

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 12 năm 2022.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: Bà Trương Tổ Hương

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 178/2022//TLPT- DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng góp hội” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Loan**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số 231/5, ấp Cầu Chùa, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Lê Thanh Thảo**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Xóm Chòi, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, biểu quyết thì Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh Thảo. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lê Thanh Thảo có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Loan số tiền nợ hội là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đoàn Thị Loan có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê Thanh Thảo còn phải có trách nhiệm trả lãi cho bà Đoàn Thị Loan theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh Thảo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Bà Đoàn Thị Loan được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003959 ngày 13/7/2022 do Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thanh Thảo phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004691 ngày 19-9-2022 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lê Thanh Thảo đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc lúc 09 giờ 20 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Tố Hương

Tôn Thị Thanh Thúy

Tăng Thị Thúy Nga

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THA.DS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Thị Thúy Nga